TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên P, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa:

Chị Tòng Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Đội MM, xã Thanh H, huyện Điện Bi, tỉnh Điện Biên (Nay là bản Pa P, phường Nam T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên).

Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Mường T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ:

- Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 55, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;
- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ly và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tòng Thị L và anh Nguyễn Văn Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Tòng Thị L và anh Nguyễn Văn Y thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Chị Tòng Thị L và anh Nguyễn Văn Y **c**ó 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/3/2017; chị L được quyền trực tiếp nuôi cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác, anh Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/01 tháng, tiền cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/8/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0000148 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Điện Biên P;
- UBND xã Thanh H, H. Điện B, tỉnh Điện Biên (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP Điện Biên P;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định